

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/DS-PT;
Ngày: 13/4/2023;
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức;

Ông Phạm Văn Ngọt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 884/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm NĐ, sinh năm 1976; Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện O, tỉnh B. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Võ BĐ, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện O, tỉnh B. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn LQ, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện O, tỉnh B. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - bà Võ BĐ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn LQ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm NĐ trình bày:

Từ cuối năm 2021 đến tháng 6 năm 2022, bị đơn là bà Võ BĐ có hỏi bà mượn nhiều lần (bà không nhớ rõ cụ thể ngày mượn, cũng như số tiền đã mượn từng lần) với số tiền 71.100.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, nhưng bà Võ BĐ có trả tiền lãi cho bà 1%/tháng, nhưng bà không nhớ là đóng tiền lãi bao nhiêu. Đến ngày 10/6/2022, bà và bà Võ BĐ chốt nợ với số tiền 71.000.000 đồng, bà Võ BĐ hứa trả mỗi ngày 200.000 đồng cho đến khi tắt nợ, nhưng bà Võ BĐ chỉ trả được 700.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Do đó, bà Võ BĐ còn nợ lại bà số tiền 70.400.000 đồng. Tuy nhiên, bà chỉ yêu cầu bà Võ BĐ trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với lời trình bày của bà Võ BĐ bà không thống nhất. Số tiền 30.000.000 đồng mà bà Võ BĐ và ông Nguyễn LQ trình bày là bà Võ BĐ có vay của bà nhưng đã trả xong. Số tiền 71.100.000 đồng là bà Võ BĐ mượn sau này. Bà không đồng ý cho bà Võ BĐ và ông Nguyễn LQ trả dần.

Bà Võ BĐ vay tiền về để mua bán phục vụ kinh tế chung của gia đình nên bà yêu cầu ông Nguyễn LQ liên đới cùng bà Võ BĐ trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn là bà Võ BĐ trình bày:

Bà không thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Phạm NĐ. Bà có vay bà Phạm NĐ 04 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, cụ thể từng lần như sau:

Lần 1: Ngày 14/9/2020, bà Phạm NĐ có cho bà vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 20% tháng, bà đã đóng lãi từ tháng 10/2020 đến tháng 5/2022 là 20.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 25/9/2020, bà Phạm NĐ có cho bà vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 20% tháng, bà đã đóng lãi từ tháng 10/2020 đến tháng 5/2022 là 20.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 28/9/2020 bà Phạm NĐ có cho bà vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 20% tháng, bà đã đóng lãi từ tháng 10/2020 đến tháng 5/2022 là 60.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 15/11/2020 bà Phạm NĐ có cho bà vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 20% tháng, bà đã đóng lãi từ tháng 12/2020 đến tháng 5/2022 là 18.000.000 đồng.

Số tiền 71.100.000 đồng mà bà Phạm NĐ yêu cầu bà trả là chỉ có 30.000.000 đồng là nợ gốc, còn lại 41.000.000 đồng là tiền lãi. Bà xác nhận chữ ký và chữ viết trong tờ giấy ngày 10/6/2022 với nội dung “10-6-2022 chị Ánh mượn Chung 71.100.000” là do bà ký nhưng bà chỉ mượn bà Phạm NĐ 30.000.000 đồng.

Bà mượn tiền về để kinh doanh thịt bò tại chợ T, xã M. Khi mượn tiền thì bà không có nói với chồng bà là ông Nguyễn LQ nên ông Nguyễn LQ không biết. Hàng ngày bà buôn bán tại chợ vào buổi sáng, số tiền buôn bán được bà

dùng để mua đồ ăn cho gia đình và đóng lãi cho bà Phạm NĐ.

Nay bà đồng ý liên đới cùng ông Nguyễn LQ trả cho bà Phạm NĐ số tiền là 70.000.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà Phạm NĐ bà không có yêu cầu xem xét lại.

Tại biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn LQ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ BĐ, mặc dù khi bà Võ BĐ vay tiền của bà Phạm NĐ thì ông không biết. Bà Phạm NĐ cũng không có nói với ông nhưng ông đồng ý liên đới cùng bà Võ BĐ trả cho bà Phạm NĐ số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, không đồng ý trả 71.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Phạm NĐ.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS - ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã tuyên:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm NĐ.

Buộc bà Võ BĐ và ông Nguyễn LQ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm NĐ số tiền nợ vay còn thiếu là 70.000.000 đồng, không tính lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/12/2022, bị đơn - bà Võ BĐ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn LQ kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ BĐ và ông Nguyễn LQ trình bày: Ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Võ BĐ chỉ đồng ý trả cho bà Phạm NĐ số tiền 30.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Ông Nguyễn LQ thì cho rằng ông không biết việc bà Ành vay tiền bà Phạm NĐ nên không đồng ý liên đới cùng bà Võ BĐ trả nợ cho bà Phạm NĐ.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ y án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền

và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộ Cày Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ BĐ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn LQ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là bà Võ BĐ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn LQ kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Việc nguyên đơn cho rằng giao dịch giữa các bên là mượn tiền, bị đơn cho rằng là vay tiền. Tòa án sơ thẩm xác định sự thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay tài sản là đúng quy định theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn thống nhất có lập giấy chốt nợ ngày 10/6/2022 có nội dung “10-6-2022 chị Ánh mượn Chung 71.100.000 đồng”. Đồng thời, bị đơn bà Võ BĐ thừa nhận chữ ký và chữ viết có trong tờ giấy này là của bà Võ BĐ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và trách nhiệm liên đới phát sinh Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là giấy chốt nợ ngày 01/6/2022 có nội dung bà Võ BĐ mượn của bà Phạm NĐ số tiền 71.100.000 đồng.

Bà Võ BĐ cho rằng thực tế chỉ vay bà Phạm NĐ số tiền 30.000.000 đồng, số tiền 41.100.000 đồng còn lại là tiền lãi phát sinh. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà Võ BĐ cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời trình bày này của bà Võ BĐ là có cơ sở nhưng bà Võ BĐ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Võ BĐ thừa nhận chữ ký và chữ viết có trong giấy chốt nợ ngày 10/6/2022 là của bà Võ BĐ. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Võ BĐ là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố là một người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Bà Võ BĐ không chứng minh được mình bị cưỡng ép, ép buộc khi ký

vào giấy chốt nợ này. Từ đó có cơ sở xác định bà Võ BĐ có vay của bà Phạm NĐ số tiền 71.100.000 đồng. Việc bà Võ BĐ vay tiền nhưng không thanh toán số tiền đã vay cho bà Phạm NĐ là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà Võ BĐ, ông Nguyễn LQ, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên toà sơ thẩm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Võ BĐ thừa nhận vay tiền để phục vụ việc kinh doanh, buôn bán. Số tiền thu được từ việc buôn bán dùng để phục vụ đời sống gia đình và trả nợ cho bà Phạm NĐ. Về phía ông Nguyễn LQ, tại các biên bản hoà giải tại Toà án ông đều trình bày quan điểm thống nhất với lời trình bày của bà Võ BĐ và đồng ý cùng liên đới trả nợ cho bà Phạm NĐ nhưng chỉ đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại các Điều 24, 25, 26, 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện hoặc các giao dịch phù hợp với quy định về đại diện được nêu trong Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Từ đó có căn cứ để buộc bà Võ BĐ, ông Nguyễn LQ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm NĐ số tiền là 71.100.100 đồng nhưng do bà Phạm NĐ chỉ yêu cầu trả số tiền 70.000.000 đồng và không tính lãi nên được ghi nhận.

Đối với yêu cầu xin trả dân của bà Võ BĐ, ông Nguyễn LQ không được bà Phạm NĐ chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

[4] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ BĐ và ông Nguyễn LQ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ BĐ và ông Nguyễn LQ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh B.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm NĐ.

Buộc bà Võ BĐ và ông Nguyễn LQ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm NĐ số tiền nợ vay còn thiếu là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không tính lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Võ BĐ và ông Nguyễn LQ phải có nghĩa vụ liên đới nộp là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Phạm NĐ số tiền tạm ứng án phí bà Phạm NĐ đã nộp là 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) theo biên lai thu số 0009580 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh B.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ BĐ, ông Nguyễn LQ mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001056, 0001054 ngày 09/12/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Mô Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng